|  |
| --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG**CỤC HOÁ CHẤT** |

**BÁO CÁO**

**Nghị định số 82/2022/NĐ-CP Và Thông tư số 17/2022/TT-BCT**

| **TT** | **Lý do chỉnh sửa, bổ sung** | **Nghị định số 82/2022/NĐ-CP** | **Thông tư số 17/2022/TT-BCT** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Phạm vi điều chỉnh** |
| 1 | Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020: Thủ tục hành chính không được quy định ở cấp Thông tư | Các biểu mẫu liên quan đến thủ tục hành chính tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT được tích hợp trong Phụ lục VI Các biểu mẫu hồ sơ, ban hành kèm theo Nghị định số 82/2022/NĐ-CP

| **Ký hiệu** | **Các biểu mẫu hồ sơ** |
| --- | --- |
| **1** | **Các biểu mẫu hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất, Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp** |
| Mẫu 01a | Mẫu văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanhhóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp |
| Mẫu 01b | Mẫu văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanhhóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp |
| Mẫu 01c | Mẫu văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanhhóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp |
| Mẫu 01d | Mẫu văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanhtrong lĩnh vực công nghiệp |
| Mẫu 01đ | Mẫu văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanhtrong lĩnh vực công nghiệp |
| Mẫu 01e | Mẫu văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanhtrong lĩnh vực công nghiệp |
| Mẫu 01g | Mẫu bản kê khai thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất |
| Mẫu 01h | Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp |
| Mẫu 01i | Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp (mẫu giấy phép trên khổ giấy A3) |
| **2** | **Các biểu mẫu hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu tiền chất công nghiệp** |
| Mẫu 02a | Mẫu văn bản đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu tiền chất công nghiệp |
| Mẫu 02b | Mẫu văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu tiền chất công nghiệp |
| Mẫu 02c | Mẫu văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu tiền chất công nghiệp |
| Mẫu 02d | Mẫu văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu tiền chất công nghiệp |
| Mẫu 02đ | Giấy phép xuất khẩu/nhập khẩu tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp |
| **3** | **Các biểu mẫu hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**  |
| Mẫu 03a | Mẫu văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất |
| Mẫu 03b | Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất |
| **4** | **Biểu mẫu hướng dẫn trình bày, nội dung Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**  |
| Mẫu 04 | Mẫu Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất |
| **5** | **Các biểu mẫu sử dụng trong quá trình khai báo hóa chất nhập khẩu** |
| Mẫu 05a | Bản khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia |
| Mẫu 05b | Phản hồi tự động thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia |

 | - Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 1; Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư số 32/2017/TT-BCT- Bãi bỏ các Phụ lục 1, 2 Thông tư số 32/2017/TT-BCT. |
| 2 | Làm rõ nội dung miễn trừ liên quan đến lĩnh vực gia dụng và các sản phẩm condensate, naphta | **Sửa đổi khoản 11 Điều 1****Nghị định số 113/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương**:“11. Các sản phẩm sau không thuộc đối tượng hóa chất được điều chỉnh của Nghị định này:a) Dược phẩm; chế phẩm diệt khuẩn, diệt côn trùng; thực phẩm; mỹ phẩm;b) Thức ăn chăn nuôi; thuốc thú y; thuốc bảo vệ thực vật; phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, phân bón hóa học là phân bón hỗn hợp, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón khoáng sinh học; sản phẩm bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản và thực phẩm;c) Chất phóng xạ; vật liệu xây dựng; sơn, mực in;d) Keo dán sử dụng trong lĩnh vực gia dụng và sản phẩm tẩy rửa sử dụng trong lĩnh vực gia dụng;đ) Xăng, dầu theo quy định pháp luật về xăng, dầu; condensate, naphta sử dụng trong chế biến xăng dầu.” | - |
| **II** | **Giấy phép hạn chế và Giấy chứng nhận đủ điều kiện** |
| 1 | - Hoạt động pha loãng, phối trộn hóa chất để tạo ra các hóa chất trung gian chỉ là công đoạn sơ chế nguyên liệu trung gian trong quy trình sản xuất sản phẩm hàng hóa, các hóa chất được tạo thành không được đưa ra thị trường.- Một số hỗn hợp chất có hàm lượng thành phần rất nhỏ thuộc danh mục hóa chất cần cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận. Hàm lượng vết này đôi khi lại không được phát hiện ngay. | ***Bổ sung Điều 10a Các trường hợp không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và*** ***Bổ sung Điều 16a. Các trường hợp không thuộc diện phải cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp*** 1. Hoạt động pha loãng, phối trộn hóa chất không xảy ra phản ứng hóa học tạo thành hóa chất có điều kiện và hóa chất hạn chế để đưa vào quá trình sử dụng, sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác của chính tổ chức, cá nhân.2. Thành phần hóa chất trong hỗn hợp chất thuộc Danh mục hóa chất có điều kiện và hóa chất hạn chế có hàm lượng trong hỗn hợp chất nhỏ hơn 0,1%. | - |
| 2 | Về thời hạn của Giấy phép, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 17 Luật Hóa chất quy định:*1. Giấy phép phải có thời hạn**2. Thời hạn của Giấy phép do bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định phù hợp với loại hình, quy mô và đặc thù của hóa chất thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh*”.  | - | Bổ sung Điều 3a Thời hạn của Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp1. Giấy phép cấp mới có thời hạn hiệu lực là 5 năm kể từ ngày cấp. Đối với hóa chất hữu cơ khó phân hủy (POP), thời hạn của Giấy phép là 5 năm kể từ ngày cấp hoặc bằng thời hạn đăng ký miễn trừ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, căn cứ theo thời hạn nào đến trước.2. Thời hạn của Giấy phép cấp lại và cấp điều chỉnh bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp. |
| 3 | Theo quy định tại Điều 10, 16 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất gồm nhiều tài liệu: Bằng tốt nghiệp của giảng viên, bằng chứng về kinh nghiệm hoạt động an toàn hóa chất, giáo trình về huấn luyện an toàn hóa chất..., việc sao chụp các giấy tờ này tốn nhiều thời gian, công sức của doanh nghiệp.Điểm c, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định thành phần hồ sơ “Bản giải trình kế hoạch kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp Giấy phép” nhưng Nghị định chưa quy định cụ thể điều kiện cho thành phần hồ sơ này | **1. Sửa đổi, bổ sung “****Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” và Điều 16. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp**a) Văn bản đề nghị;b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;c) Bản kê khai từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất;d) Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất;đ) Bản sao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;e) Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất, kho chứa hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa, Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;g) Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;h) Bản sao bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất; Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;**i) Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;**k) Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo quy định.**2. Tích hợp Bản giải trình kế hoạch kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vào Văn bản đề nghị** | - |
| 2 | Nghị định số 113/2017/NĐ-CP chưa quy định cụ thể thời gian xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các tổ chức, cá nhân có trụ sở chính và cơ sở sản xuất, kinh doanh ở các địa phương khác nhau. | **Sửa đổi, bổ sung “Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” và Điều 16. “Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp”**a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện lập 01 bộ hồ sơ gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều này;b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận quy định tại điểm c, điểm d khoản này;c) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện thực tế và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do;d) Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của tổ chức, cá nhân để lấy ý kiến của Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 9 của Nghị định này. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân không muộn hơn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Sở Công Thương địa phương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất để phối hợp quản lý. Mẫu Giấy chứng nhận được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do. | - |
| 3 | Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định riêng rẽ về điều kiện và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất dẫn đến việc áp dụng khác nhau giữa các cơ quan cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vừa sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất.  | **Sửa đổi, bổ sung “Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp” và Điều 16. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp**Tách riêng Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất. Tổ chức, cá nhân chỉ chuẩn bị 1 hồ sơ chung, không chuẩn bị 2 lần các giấy tờ trùng lặp giữa hồ sơ sản xuất và hồ sơ kinh doanh | - |
| **III** | **Khai báo hóa chất nhập khẩu** |
| 1 | Thiếu tính kết nối giữa hệ thống cấp phép điện tử của Bộ Công Thương và Cơ quan hải quan | Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 27 như sau:“b) Thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này. Thông tin phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu có giá trị pháp lý để làm thủ tục thông quan. Sau khi hóa chất được thông quan, hệ thống của Cơ quan Hải quan gửi phản hồi trạng thái thông quan gồm thông tin tờ khai, hóa chất, khối lượng hóa chất thông quan qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và hệ thống của Bộ Công Thương.”. | Bãi bỏ khoản 1 khoản 2 Điều 8 |
| 2 | Một số hóa chất đặc biệt nguy hiểm, tác động đến an ninh, trật tự xã hội như dinitơ monoxit, các hợp chất xyanua, các hợp chất thủy ngân mà chưa được cấp Giấy phép hoặc vượt quá khối lượng được cấp Giấy phép, nhưng hệ thống vẫn tự động phản hồi kết quả, dẫn tới nguy cơ gây mất an toàn, an ninh và trật tự xã hội | Bổ sung khoản 4a Điều 27 như sau:“4a. Các hóa chất cần kiểm soát đặc biệt khi nhập khẩua) Các hóa chất nguy hiểm cần kiểm soát khi thực hiện thủ tục khai báo hóa chất nhập khẩu bao gồm: dinitơ monoxit, các hợp chất của xyanua, thủy ngân và các hợp chất của thủy ngân;b) Trong thời hạn 16 giờ làm việc, kể từ thời điểm hệ thống của Bộ Công Thương tiếp nhận hồ sơ khai báo đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Cơ quan tiếp nhận thông tin khai báo của Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và phản hồi thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khai báo. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận thông tin khai báo của Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) gửi phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia đến tổ chức, cá nhân khai báo hóa chất để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Các trường hợp hồ sơ không hợp lệ bao gồm: tổng khối lượng hóa chất nhập khẩu tính từ đầu năm đến thời điểm khai báo lớn hơn khối lượng được cấp phép trong năm, các tài liệu đính kèm không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều này, thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu chưa chính xác. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cơ quan tiếp nhận thông tin khai báo của Bộ Công Thương (Cục Hóa chất) phê duyệt hồ sơ và phản hồi thông tin khai báo, thông tin được phản hồi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia tới tổ chức, cá nhân khai báo và cơ quan hải quan.”. | - |
| 3 | Tăng cường trách nhiệm khai báo hóa chất của tổ chức, cá nhân, làm cơ sở cho xử phạt vi phạm hành chính | c) Sửa đổi khoản 6 Điều 27 như sau:“6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện khai báo hóa chất qua Cổng thông tin một cửa quốc giaTổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin khai báo theo biểu mẫu có sẵn trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các văn bản, chứng từ, dữ liệu điện tử trong bộ hồ sơ khai báo hóa chất qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. Trường hợp thông tin khai báo không chính xác, hồ sơ khai báo hóa chất điện tử là cơ sở để tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm lưu trữ bộ hồ sơ khai báo hóa chất để xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu, thời gian lưu trữ hồ sơ tối thiểu 05 năm.”.  | - |
| 4 | Miễn trừ đối với các hỗn hợp hóa chất có thành phần nhỏ | 15. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 28 như sau:“6. Thành phần hóa chất trong hỗn hợp chất thuộc Danh mục hoá chất phải khai báo có hàm lượng trong hỗn hợp nhỏ hơn 0,1%.” | - |
| **IV** | **Quản lý tiền chất công nghiệp** |
| 1 | Để thống nhất khái niệm hỗn hợp chất tại khoản 3 Điều 4 Luật Hoá chất và khái niệm tiền chất tại khoản 4 Điều 2 Luật Phòng, chống ma tuý, dự thảo Nghị định sẽ thay cụm từ “hàng hoá chứa tiền chất” bằng cụm từ “hỗn hợp chất chứa tiền chất”. | Thay thế cụm từ “hàng hoá” bằng cụm từ “hỗn hợp chất” tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP  | - |
| 2 | Thực hiện Luật Phòng, chống ma tuý số 73/2021/QH14 ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 1452/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021-2025, dự thảo Nghị định sẽ bổ sung quy định quản lý, kiểm sát hoạt động sử dụng tiền chất công nghiệp để đồng bộ quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát “các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy” quy định tại Điều 12, Luật phòng, chống ma túy | **Bổ sung Điều 11a Quản lý, kiểm soát sử dụng tiền chất công nghiệp**1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tiền chất công nghiệp để sản xuất các sản phẩm, hàng hóa khác phải thực hiện các quy định tại Chương V của Luật Hóa chất và các quy định sau:a) Phải có đầy đủ hóa đơn mua tiền chất công nghiệp, giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, thông tin về nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp các loại tiền chất công nghiệp; có phiếu xuất kho, nhập kho;b) Phải lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tiền chất công nghiệp. Sổ theo dõi bao gồm các thông tin: Tên tiền chất công nghiệp, số lượng tiền chất mua vào (số lượng nhập khẩu, mua trong nước), số lượng đã sử dụng, số lượng tồn kho; mục đích sử dụng tiền chất công nghiệp.2. Trong quá trình sử dụng tiền chất công nghiệp, tổ chức, cá nhân phải có biện pháp quản lý, kiểm soát tiền chất công nghiệp và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm thất thoát tiền chất công nghiệp.”. | - |
| **V** | **Huấn luyện an toàn hóa chất** |
|  | - Tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, chương trình huấn luyện an toàn hóa chất hiện nay chưa quy định nội dung thực hành. Do đó, khi xảy ra sự cố hóa chất, nhiều tổ chức, cá nhân bị động, không ứng phó kịp thời dẫn tới thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và ảnh hưởng đến môi trường- Tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, thời gian huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ chưa được quy định cụ thể nên việc huấn luyện lại tương tự với huấn luyện lần đầu gây lãng phí thời gian, chi phí của doanh nghiệp | Sửa đổi khoản 1 Điều 31 như sau:“1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất hoặc cử các đối tượng được quy định tại Điều 32 của Nghị định này tham gia các khóa huấn luyện của các tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất và huấn luyện định kỳ ít nhất 02 năm một lần. Thời gian huấn luyện lần đầu được quy định tại khoản 6 Điều 33 của Nghị định này. Thời gian huấn luyện định kỳ từ lần thứ hai trở đi bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu, trừ trường hợp phải được huấn luyện lại quy định tại khoản 3 Điều này.”.17. Bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 33 như sau:a) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 3 như sau:“e) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết đặc tính nguy hiểm của hóa chất và thực hành quy trình xử lý một số sự cố hóa chất điển hình tại cơ sở hoạt động hóa chất.”.b) Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 4 như sau:“đ) Nội dung thực hành tại cơ sở hoạt động hóa chất: Nhận biết đặc tính nguy hiểm của hóa chất và thực hành quy trình xử lý một số sự cố hóa chất điển hình tại cơ sở hoạt động hóa chất.” | - |
| **VI** | **Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất** |
| 1 | 1. Thống nhất các quy định về biểu mẫu xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất2. Bổ sung mẫu Chứng thực | **Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:**“4. Hồ sơ đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chấta) Văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này;b) Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất gồm 09 bản. Cách trình bày, bố cục và nội dung của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.”.**Bổ sung khoản 11 vào Điều 20 như sau:**“11. Bộ Công Thương xây dựng các biểu mẫu sử dụng trong quá trình lập hồ sơ đề nghị và thẩm định, phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất; mẫu chứng thực trên trang phụ bìa của Kế hoạch sau khi được phê duyệt. Mẫu văn bản đề nghị và mẫu quyết định phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này**Sửa đổi khoản 2 Điều 21 như sau:**“2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất gồm các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Hóa chất. Tổ chức, cá nhân xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này. | - Sửa đổi khoản 3 Điều 4 như sau:“3. Ban hành tại Phụ lục 3 các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:a) Mẫu 03a: Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định;b) Mẫu 03b: Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định;c) Mẫu 03c: Mẫu Phiếu nhận xét, đánh giá;d) Mẫu 03d: Mẫu Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;đ) Mẫu 03đ: Mẫu Chứng thực trên trang phụ bìa của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt.”.- Bãi bỏ khoản 1 Điều 5, - Bãi bỏ Phụ lục 6 |
| 2 | Theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, nếu dưới ngưỡng quy định, cơ sở hoạt động hóa chất đối với các hóa chất này chỉ phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và không thực hiện diễn tập định kỳ. Thực tế cho thấy nếu sự cố xảy ra, các cơ sở nói trên ứng phó không kịp thời, không thuần thục, dẫn đến hậu quả đáng tiếc.  | **1. Sửa đổi điểm c khoản 8 Điều 20 như sau:**“c) Hàng năm, các cơ sở hóa chất phải tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất đã được xây dựng trong Kế hoạch với sự chứng kiến hoặc chỉ đạo của đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương;”.**2. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 Điều 21 như sau:**“d) Hàng năm các cơ sở hóa chất phải tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố hóa chất đã được xây dựng trong Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất với sự chứng kiến hoặc chỉ đạo của đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành địa phương trong trường hợp cơ sở hóa chất có tồn trữ hóa chất thuộc Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nhưng dưới ngưỡng quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này. | - |
| **V** | **Phân loại, ghi nhãn và phiếu an toàn hóa chất** |
| 1 | Điều 23 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định bảng tổng hợp phân loại hóa chất được tích hợp từ phiên bản 2 năm 2007 đến phiên bản 7 năm 2017 của GHS. Việc tích hợp này đã gây sự nhầm lẫn khi tra cứu, thực hiện. | **Sửa đổi Điều 23. Phân loại hóa chất** 1. Việc phân loại hóa chất được thực hiện theo quy tắc và hướng dẫn kỹ thuật của GHS, từ Phiên bản 2 năm 2007 trở đi. 2. GHS phiên bản 2 bao gồm các phân loại chính. | - |
| 2 | Điều 24 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định hàm lượng tác nhân nhạy da/hô hấp là “0,1%”. Giá trị này là sai sót kỹ thuật, giá trị đúng được quy định tại GHS đối với tác nhân nhạy da/hô hấp là “1%”. Để khắc phục sai sót này, dự thảo Nghị định sẽ chỉnh sửa giá trị tác nhân nhạy da/hô hấp là 1% | Sửa đổi số thứ tự 4 tại khoản 1 Điều 24 | - |
| 3 | Theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Hóa chất, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, các nội dung liên quan đến nhãn hàng hóa tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT cần được cập nhật, bổ sung theo Nghị định số 111/2021/NĐ-CP. Đối với hình đồ cảnh báo trong vận chuyển hóa chất cũng cần sửa đổi để phù hợp với quy định hiện hành về vận chuyển hóa chất.  | - | a) Sửa đổi khoản 3 như sau:“3. Việc ghi nhãn hóa chất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và được hướng dẫn tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.”.b) Sửa đổi khoản 5 như sau:“5. Hình đồ cảnh báo trong vận chuyển hóa chất nguy hiểm được quy định tại Phụ lục III Mẫu nhãn, biểu trưng hàng hóa nguy hiểm ban hành kèm theo Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.”. - Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất nguy hiểm được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 113/2017/NĐ-CP trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường phải xây dựng Phiếu an toàn hóa chất bao gồm các thông tin theo hướng dẫn tại Phụ lục 9 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Phiếu an toàn hóa chất.”- Sửa đổi một số quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT như sau:a) Sửa đổi mục 6 như sau:“**6. Thành phần hoặc thành phần định lượng**a) Ghi công thức hóa học, công thức cấu tạo, thành phần định lượng. Đối với hóa chất chứa trong bình chịu áp lực phải ghi thêm dung lượng nạp.Ví dụ: A-xít sulfuric; công thức H2SO4; nồng độ: 98%b) Đối với hỗn hợp chất, ghi thành phần hoặc thành phần định lượng như: dạng rắn là phần trăm khối lượng của từng chất rắn; dạng lỏng là phần trăm thể tích của từng chất lỏng; dạng khí là phần trăm thể tích của từng chất khí; dạng rắn-lỏng là phần trăm khối lượng của từng chất rắn và lỏng.”.b) Sửa đổi mục 9 như sau:“**9. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hóa chất**Cách ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hóa chất thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP.”.c) Sửa đổi mục 10 như sau:“**10. Xuất xứ hóa chất** Cách ghi xuất xứ hóa chất thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP.”- Bãi bỏ khoản 4 Điều 6; phần 3 Phụ lục 7 |
| **VI** | **Hoạt động báo cáo** |  |  |
|  | Điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định thời gian báo cáo tình hình hoạt động hóa chất của các tổ chức cá nhân hoạt động hóa chất vào 15 tháng 01 hàng năm. Điểm b khoản 3 Điều 36 quy định thời gian báo cáo tình hình hoạt động hóa chất của các cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh vào 20 tháng 01 hàng năm. Tuy nhiên, các tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý ngành cấp tỉnh khó đảm bảo thời hạn thực hiện báo cáo | Sửa đổi một số điểm, khoản tại Điều 36 như sau:a) Sửa đổi điểm a khoản 1 như sau:“a) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm báo cáo tổng hợp về tình hình hoạt động hóa chất của năm trước trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia;”.b) Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:“a) Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tại địa phương có trách nhiệm báo cáo công tác quản lý hóa chất trên Hệ thống Cơ sở dữ liệu hoá chất quốc gia;” | - Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 9 như sau:“1. Chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhâna) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp có trách nhiệm báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động hóa chất của năm trước theo Mẫu số 05a quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này đến Cục Hóa chất, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt địa điểm sản xuất, kinh doanh thông qua hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia;b) Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động hóa chất khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất hoặc chấm dứt hoạt động hóa chất đến Cục Hóa chất, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất.2. Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo công tác quản lý hóa chất và tổng hợp tình hình hoạt động hóa chất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý theo Mẫu số 05b quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này đến Cục Hóa chất thông qua hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.”.- Thay thế mẫu báo cáo tại Phụ lục 5 |
| **VII** | **Danh mục hóa chất** |  |  |
|  | - Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất kinh doanh: Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp tại Phụ lục II Nghị định số 113/2017/NĐ-CP bao gồm các hóa chất thuộc Công ước Stockholm về ô nhiễm chất hữu cơ khó phân hủy. Hiện nay, Công ước Stockholm đều được bổ sung thêm hóa chất cần quản lý. Như vậy, danh mục hóa chất hạn chế tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP cần phải được cập nhật, bổ sung các hóa chất này.- Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện:Từ thực tế quản lý hóa chất tại địa phương, các Sở Công Thương đã có ý kiến bổ sung một số hóa chất nguy hiểm vào danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. - Danh mục hoá chất phải khai báo:Để đảm bảo trong công tác quản lý nhập khẩu đối với các hóa chất nguy hiểm đã được bổ sung vào các Danh mục nêu trên, Dự thảo Nghị định sẽ bổ sung các hóa chất này vào Danh mục hóa chất phải khai báo | 1. Bổ sung một số hóa chất vào Phụ lục I của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP - Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp2. Sửa đổi số thứ tự 231 Bảng 1 Phụ lục IV của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP - Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thủy ngân và hợp chất thủy ngân).3. Bổ sung một số hóa chất vào Phụ lục V của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP - Danh mục hóa chất phải khai báo. | - |
| **VIII** | **Phân công trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước về hóa chất của Cục Hóa chất thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Công Thương** |
|  | Để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao trong quản lý hóa chất thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Công Thương ngày một tốt hơn, trên cơ sở tuân thủ quy định hiện hành, một số nội dung về phân công trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước về hóa chất của Cục Hóa chất cần phải được chỉnh sửa phù hợp. | - | - Sửa đổi khoản 1 Điều 10 như sau: “1. Cục Hóa chất là cơ quan đầu mối của Bộ Công Thương thực hiện quản lý hoạt động hóa chấtCục Hóa chất chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung quản lý thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Công Thương:a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành: các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hóa chất; các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển ngành hóa chất; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hóa chất;b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về quản lý hóa chất;c) Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP. Cục trưởng Cục Hóa chất ký thừa ủy quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương trong các trường hợp cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp;d) Tham mưu giúp Lãnh đạo Bộ Công Thương trong việc xử lý hồ sơ, tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; trình lãnh đạo Bộ Công Thương thành lập Hội đồng thẩm định; trình lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; ký chứng thực trên trang phụ bìa của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt;đ) Kiểm tra hồ sơ và phản hồi thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khai báo theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;e) Nâng cấp, cập nhật Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia;g) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong hoạt động hóa chất.” |
| **IX** | **Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp** |
|  | Thống nhất về hiệu lực thi hành và các nội dung chuyển tiếp | 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 12 năm 2022. Khoản 14 Điều 1 Nghị định này sửa đổi Điều 27 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP có hiệu lực sau một năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. 2. Đối với các dự án, cơ sở tồn trữ thủy ngân và các hợp chất thủy ngân trên 01 kg đã được đưa vào hoạt động trước khi Nghị định này có hiệu lực mà chưa có Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trong vòng 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. | 1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2022. Chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân và Sở Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2023.2. Quy định chuyển tiếp: Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp đã được cấp trước ngày 22 tháng 12 năm 2022 được tiếp tục sử dụng đến ngày 22 tháng 12 năm 2027 hoặc đến thời hạn đăng ký miễn trừ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, căn cứ theo thời hạn nào đến trước. |